TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Minh Hằng

Ông Đoàn Văn Thìn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Thanh- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L (tức Vũ Thị Li; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1/88 B, Thượng Đoạn X 2, phường Đ1, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 30, ngõ 83, P 1, phường Đ1, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Văn T; trú tại: Số 1/88 B, Thượng Đoạn X 2, phường Đ1, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 24 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Vũ Thị L trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị L (tức Vũ Thị Li) và ông Trịnh Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, Hải Phòng vào ngày 16 tháng 12 năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do ông bà bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Mặt khác, do ông Toàn chơi bời bạn bè, rồi nghiện ma túy, bạo lực gia đình với bà L. Bà L và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ để ông T từ bỏ ma túy nhưng không được. Điều này làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ năm 2010 đến nay bà L đã phải ra ngoài thuê nhà trọ để sống ly thân với ông T. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

2. Về con: Bà và ông T có 01 con chung là Trịnh Hải A, sinh ngày 17/9/2003. Ly hôn, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho bà L nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Vì hiện nay ông T đang nghiện ma túy, không có việc làm và thu nhập nên không đảm bảo cho việc nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông Toàn cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thu lý vụ án Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý số 30/TB-TLVA ngày 31/3/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng cho bị đơn là ông Trịnh Văn T theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, bị đơn lúc có nhà nhưng không nhận, lúc đi vắng, không có người nhận thay. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi bà L và ông T sinh sống: Quá trình chung sống, bà L và ông T có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do hai bên có sự b ất đồng về quan điểm; ông T nghiện ma túy và bạo lực gia đình đánh bà L. Hiện nay bà L và ông T đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Theo ý kiến của cháu Trịnh Hải A (con chung của bà L và ông T): Trường hợp bố mẹ ly hôn cháu Hải A có nguyện vọng được sống với bà L đến khi trưởng thành.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L (tức Vũ Thị Li) về những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị L được ly hôn ông Trịnh Văn T.

- Về nuôi dưỡng con: Giao con chung là Trịnh Hải A, sinh ngày 17/9/2003 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản: Bà L không yêu cầu nên không xem xét gi ải quyết.

- Về án phí: Bà L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Trịnh Văn T, hiện cư trú tại số 1/88 Bùi T, Thượng Đoạn X 2, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn là ông Trịnh Văn T vắng mặt nhưng có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Xét mâu thuẫn của vợ chồng bà L và ông T đã trầm trọng và kéo dài. Vợ chồng đã ly thân từ lâu, không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau. Trên thực tế quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T đã không còn tồn tại, không đạt được mục đích của hôn nhân. Tại phiên tòa, bà L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T; đối với ông T, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T đều vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Điều này thể hiện ông T không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân của vợ chồng. Như vậy, việc bà L yêu cầu xin ly hôn với ông T là có căn cứ, đúng thực tế tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L.

[3] Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung là Trịnh Hải A, sinh ngày 17/9/2003. Xét hiện nay bà L đang có nơi ở, có việc làm và thu nhập ổn định; trong khi ông T đang là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm và thu nhập. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của co n chung, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà L, giao cháu Hải A cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; điều này cũng phù hợp với nguyện vọng con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử xét.

[5] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu áp phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Vũ Thị L (tức Vũ Thị Li) được ly hôn ông Trịnh Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Trịnh Hải A, sinh ngày 17/9/2003 cho bà L trực tiếp chăm sóc , nuôi dưỡng cho đ ến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí : Bà L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) tiền án phí ly hôn sơ thẩm . Bà L đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận

Hải An , thành phố Hải Phòng theo biên lai thu số 0018075, ngày 31 tháng 3 năm 2021.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án . Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA Dân sự quận Hải An;
- UBND phường Lạc Viên, Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hô sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mạnh